

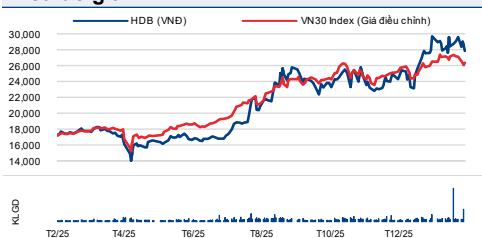
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ28,915
Tiềm năng tăng/giảm: 3.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/1/2026)	27,850
Mã Bloomberg	HDB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,034-29,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	28,425
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	126,237
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,843
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,533
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	612
Slg CP NN được mua (tr.đv)	4.40
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	17.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.4%
Tỷ lệ freefloat	71.4%
Cổ đông lớn	Sovico (12.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	697	830	1,016
Dư nợ cho vay (ntđ)	442	551	712
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	34.0	42.3	51.6
Lợi nhuận thuần (ntđ)	12.8	15.8	19.6
BVPS (đồng)	12,022	14,457	17,922
EPS (đồng)	2,816	3,478	3,907
DPS (đồng)	771	386	386
T.trưởng cho vay KH (%)	28.9	24.5	29.3
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	28.8	24.3	21.9
Tăng trưởng EPS (%)	25.9	23.5	12.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	(50.0)	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	27.4	11.1	9.87
ROAE (%)	25.8	25.0	24.1
ROAA (%)	1.96	2.08	2.12
Tỷ lệ NIM (%)	5.52	5.09	5.15
Tỷ lệ CIR (%)	35.2	26.7	26.8
Hệ số CAR (%)	14.0	13.3	12.7
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.93	2.67	2.45
LLR/nợ xấu (%)	68.7	41.8	47.5
Hệ số LDR (%)	101	108	110
P/B (lần)	2.32	1.93	1.55
P/E (lần)	9.89	8.01	7.13
Lợi suất cổ tức (%)	2.77	1.38	1.38

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HDB là một ngân hàng có sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận và giữa ngân hàng truyền thống và cho vay tiêu dùng

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.phien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Q4/2025: Thu nhập ngoài lãi & LNTT tăng trưởng mạnh mẽ; vượt đáng kể dự báo

- HDB đã công bố KQKD Q4/2025 với LNTT đạt 6,5 nghìn tỷ đồng (tăng 60% so với cùng kỳ), vượt 13% dự báo của chúng tôi. Tính chung cả năm 2025, LNTT đạt 21,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 27,4%), cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 20,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22,9%).
- Tăng trưởng tín dụng tăng tốc đáng kể đạt 17,5% so với quý trước (tăng 31% so với cùng kỳ). Tỷ lệ NIM hồi phục 70 điểm cơ bản so với quý trước, mặc dù tỷ lệ NIM bình quân năm 2025 (4,96%) vẫn giảm 71 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ nhờ thu nhập phí cải thiện, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và lãi từ thoái vốn VJC. Chất lượng tài sản ổn định trở lại và cho thấy dấu hiệu bắt đầu hồi phục.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 29/1/2026

HDB đã công bố KQKD Q4/2025 tích cực với LNTT đạt 6,5 nghìn tỷ đồng (tăng 60% so với cùng kỳ), vượt 13% dự báo của chúng tôi. Tính chung cả năm 2025, tổng LNTT đạt 21,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 27,4%) so với dự báo của chúng tôi là 20,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 22,9% so với cùng kỳ). Các kết quả nổi bật trong quý này gồm: Bảng CĐKT mở rộng quy mô đáng kể, tỷ lệ NIM hồi phục mạnh so với quý trước và chất lượng tài sản cải thiện. Thu nhập ngoài lãi cũng tăng mạnh, nhờ đóng góp tích cực của thu nhập phí, lãi từ hoạt động đầu tư (chủ yếu từ thương vụ thoái vốn VJC) & thu nhập từ đầu tư cổ phiếu (từ 30% cổ phần nắm giữ tại HDBS).

Tăng trưởng tín dụng đạt 31% so với cùng kỳ và 17,5% so với quý trước

Tổng dư nợ tín dụng tăng 31% so với cùng kỳ (tăng 12,7% so với quý trước), thấp hơn một chút so với hạn mức của Ngân hàng (35%). Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh cho các khoản vay bán cho Vikki (85,6 nghìn tỷ đồng trong năm 2025), tăng trưởng tín dụng hữu cơ tăng mạnh 50% so với cùng kỳ (tăng 25% so với quý trước), cho thấy tốc độ tăng trưởng bắt đầu rõ rệt.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, HDB

(Tỷ đồng)	Hợp nhất				Ngân hàng mẹ			
	Q4/25	So với cùng kỳ	2025	Tăng trưởng	Q4/25	So với cùng kỳ	2025	Tăng trưởng
Thu nhập lãi thuần	9.756	19%	34.746	13%	8.257	22%	28.964	14%
Thu nhập ngoài lãi	2.416	101%	7.631	146%	2.164	131%	6.507	239%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	874	106%	4.126	191%	603	188%	3.157	511%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	317	35%	1.272	51%	348	47%	1.356	58%
Thu nhập từ đầu tư	853	477%	1.495	990%	853	477%	1.495	990%
Thu nhập khác	372	-5%	737	4%	360	5%	499	22%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	159	246%	310	357%	4	-99%	9	-97%
Tổng thu nhập HĐ	12.330	31%	42.687	25%	10.421	35%	35.471	30%
Chi phí HĐ	(3.820)	8%	(11.614)	-3%	(3.162)	8%	(9.064)	-6%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	8.510	44%	31.073	41%	7.258	52%	26.407	49%
Chi phí dự phòng	(1.991)	9%	(9.751)	83%	(1.199)	14%	(6.786)	201%
LNTT	6.519	60%	21.322	27%	6.059	63%	19.621	27%
Lợi nhuận thuần	5.220	61%	17.053	29%	4.839	51%	15.652	26%
Tỷ lệ NIM	5,07%	-58 điểm cơ bản	4,96%	-71 điểm cơ bản	4,39%	-38 điểm cơ bản	4,22%	-55 điểm cơ bản
Tăng trưởng tín dụng	31,0%				31,4%			
Tỷ lệ nợ xấu	2,44%	50 điểm cơ bản			2,25%	55 điểm cơ bản		

Nguồn: HDB, HSC

Cơ cấu tín dụng theo phân khúc, tăng trưởng cho vay bán lẻ phục hồi trong Q4 nhưng vẫn ở mức khiêm tốn (tăng 7% so với quý trước và tăng 5% so với cùng kỳ), chiếm 30,7% tổng dư nợ cho vay tại thời điểm cuối năm 2025, giảm từ 36,1% trong năm 2024. Ngược lại, cho vay phân khúc DNNVV và doanh nghiệp lớn tăng trưởng mạnh mẽ (tăng 14% so với quý trước và tăng 34% so với cùng kỳ năm trước).

Cơ cấu theo ngành, những động lực tăng trưởng chính bao gồm: ngành bán buôn & bán lẻ (tăng 17% so với quý trước và tăng 36% so với cùng kỳ, chiếm 18,5% tổng dư nợ tín dụng), xây dựng (tăng 23% so với quý trước và tăng 58% so với cùng kỳ, chiếm 12,3%) và dịch vụ tài chính (tăng 36% so với quý trước và tăng 46% so với cùng kỳ, chiếm 8,2%).

Tỷ lệ NIM hồi phục so với quý trước nhưng cả năm thu hẹp so với cùng kỳ

Tỷ lệ NIM tăng 70 điểm cơ bản so với quý trước lên 5,07%, nhờ lợi suất tài sản tăng 73 điểm cơ bản và chi phí huy động giảm 14 điểm cơ bản. Trong năm 2025, tỷ lệ NIM bình quân ở mức 4,96%, giảm 71 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Tỷ lệ NIM có xu hướng biến động giữa các quý trong năm - khởi sắc trong Q2 và Q4 cùng với tăng trưởng tín dụng cao nhưng suy yếu trong Q1 và Q3 khi tăng trưởng tín dụng chậm lại.

Chi phí huy động giảm so với quý trước trong Q4 - bắt chập môi trường lãi suất tăng - vượt trội so với ngành. Những nguyên nhân chính có thể bao gồm: (1) khách hàng rút tiền gửi có kỳ hạn trước hạn (chấp nhận mất phần lãi đã tích lũy) để tái gửi tiền với lãi suất cao hơn, qua đó tạm thời giúp làm dịu chi phí huy động; và (2) các khoản tiền gửi vào cuối tháng 12 chỉ mới phát sinh chi phí lãi trong thời gian ngắn. Chúng tôi kỳ vọng sức ép lên chi phí huy động sẽ quay trở lại kể từ Q1/2026.

Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ ở tất cả các mảng kinh doanh

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 101% trong Q4/2025 và tăng trưởng 146% trong năm 2025, trên diện rộng ở hầu hết các mảng kinh doanh, trong đó:

- Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh 106% so với cùng kỳ trong Q4 và tăng trưởng 191% trong cả năm 2025
- Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 35% so với cùng kỳ trong Q4 và tăng trưởng 51% trong cả năm 2025
- Lợi nhuận từ HĐ đầu tư tăng mạnh 477% so với cùng kỳ trong Q4 và tăng trưởng 990% trong cả năm 2025, chủ yếu nhờ khoản lãi từ thương vụ bán 1% cổ phần tại VJC.
- Thu nhập từ đầu tư cổ phiếu cũng khả quan nhờ HDB Securities ghi nhận lợi nhuận kỷ lục (HDB nắm giữ 30% cổ phần).

Chất lượng tài sản bắt đầu cải thiện

Chất lượng tài sản cũng có xu hướng cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,44% từ 2,9% trong Q3/2025 trong khi đệm dự phòng cũng vững chắc hơn với tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR tăng lên 54,8% từ 43,6%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm xuống 3,44% từ 4,77% trong Q3/2025, một phần nhờ tín dụng tăng trưởng nhanh chóng giúp tỷ lệ này tự động giảm xuống.

Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu mới hình thành chuyển sang âm, cho thấy các khoản nợ được quay lại nhóm rủi ro thấp hơn (nhờ thu hồi nợ tốt hơn và/hoặc tái cấu trúc) lớn hơn so với nợ xấu mới hình thành. Điều này cho thấy chất lượng tài sản đã ổn định trở lại & bắt đầu cải thiện sau 3 quý liên tiếp ghi nhận nợ xấu tăng.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi tăng giá 20% trong tháng 12/2025, cổ phiếu HDB gần như đi ngang trong tháng 1/2026 với P/B dự phóng năm 2026 là 1,59 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,3 lần, với hệ số ROE đạt 23%, so với 17,4%.

Sau diễn biến giá cổ phiếu này, HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	52.6	58.0	67.8	84.4	104
Chi phí lãi	(30.5)	(27.1)	(33.4)	(41.9)	(51.5)
Thu nhập lãi thuần	22.2	30.9	34.4	42.5	52.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.19	1.42	4.76	5.92	6.83
Lãi thuần HĐ KDNH	0.56	0.84	1.10	1.32	1.59
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.21	0.14	0.95	0.70	0.70
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.07	0.20	0.24	0.29
Thu nhập khác	0.26	0.71	0.85	0.91	1.02
Tổng thu nhập HĐ	26.4	34.0	42.3	51.6	62.6
Chi phí HĐ	(9.13)	(12.0)	(11.3)	(13.8)	(16.7)
LN trước dự phòng	17.3	22.1	31.0	37.7	45.9
Chi phí dự phòng	(4.27)	(5.32)	(10.4)	(12.5)	(15.5)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	13.0	16.7	20.6	25.3	30.4
Chi phí thuế TNDN	(2.68)	(3.48)	(4.11)	(5.05)	(6.09)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.27)	(0.48)	(0.60)	(0.65)	(0.71)
Lợi nhuận thuần	10.1	12.8	15.8	19.6	23.6
EPS (đồng)	2,237	2,816	3,478	3,907	4,723
DPS (đồng)	771	771	386	386	386
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,502	4,533	4,556	5,005	5,005
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,502	4,509	5,005	5,005	5,005
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,221	5,228	5,266	5,266	5,266

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.81	3.11	5.12	6.45	8.13
Tiền gửi tại NHNN	41.5	26.7	25.8	32.4	40.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	96.5	102	109	115	120
Chứng khoán kinh doanh	18.6	22.0	24.2	26.6	29.2
Các công cụ tài chính phái sinh	0.11	0	0.04	0.04	0.05
Số dư cho vay thuần	339	437	545	704	911
Tổng dư nợ cho vay	343	442	551	712	922
Dự phòng rủi ro	(4.05)	(5.88)	(6.14)	(8.30)	(10.9)
Chứng khoán đầu tư	44.1	48.8	53.6	59.0	64.9
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31.9	31.4	34.5	38.0	41.8
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.3	17.4	19.2	21.1	23.2
Dự phòng rủi ro	(0.08)	(0.09)	(0.10)	(0.11)	(0.12)
Đầu tư dài hạn	0.14	0.86	0.86	0.86	0.86
Tài sản cố định	1.42	1.77	1.87	1.96	2.07
Tài sản khác	57.8	56.0	64.1	70.3	77.1
Tổng tài sản	602	697	830	1,016	1,255
Nợ phải trả	556	641	755	924	1,136
Tiền gửi của NHNN	0.03	0.02	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	112	99.5	137	155	172
Tổng tiền gửi KH	371	438	512	645	813
Trái phiếu và CCTG	50.9	81.3	83.2	99.4	123
Nợ khác	22.1	22.4	22.3	25.0	28.0
Vốn chủ sở hữu	44.5	54.5	72.4	89.7	115
Vốn điều lệ	29.1	35.1	38.6	38.6	38.6
Thặng dư vốn cổ phần	0.54	0.54	0.75	0.75	0.75
Lợi nhuận giữ lại	10.6	13.0	24.5	39.0	60.9
Quỹ & vốn khác của CSH	4.71	6.31	8.57	11.4	14.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.93	2.17	2.41	2.71	3.07
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	602	697	830	1,016	1,255
BVPS (đồng)	9,879	12,022	14,457	17,922	22,971

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	44.7	15.8	18.9	22.5	23.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	30.1	28.9	24.5	29.3	29.4
Tăng trưởng huy động KH (%)	71.8	18.0	17.0	26.0	26.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	62.2	23.0	14.7	25.1	25.7
Tăng trưởng VCSH (%)	20.3	22.5	32.8	24.0	28.2
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	23.2	39.1	11.6	23.3	22.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	5.78	31.2	(5.77)	22.4	20.6
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	29.6	27.6	40.6	21.7	21.6
Tăng trưởng LNTT (%)	26.8	28.5	22.9	22.8	20.5
Tăng trưởng LN thuần (%)	30.0	26.7	24.2	23.4	20.9
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.19	5.24	5.54	5.59	5.51
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.79)	(1.84)	(1.48)	(1.50)	(1.47)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	84.9	85.9	88.6	89.4	90.2
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.52	1.84	2.17	2.52	2.92
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	28.5	34.6	41.8	50.9	60.8
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	12.4	9.89	8.01	7.13	5.90
P/B (lần)	2.82	2.32	1.93	1.55	1.21
Lợi suất cổ tức (%)	2.77	2.77	1.38	1.38	1.38

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.1	37.5	37.5	37.9	37.8
ROAA (%)	1.98	1.96	2.08	2.12	2.08
ROAE (%)	24.7	25.8	25.0	24.1	23.1
Chi phí huy động BQ (%)	6.79	4.71	4.94	5.14	5.13
Lợi suất góp BQ (%)	12.2	10.4	10.0	10.2	10.1
Lợi suất thuần (%)	5.38	5.67	5.08	5.08	4.98
Tỷ lệ NIM (%)	5.13	5.52	5.09	5.15	5.09
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.28	4.16	11.2	11.5	10.9
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.0	90.7	81.4	82.4	83.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	7.73	5.17	7.33	6.15	5.75
Tỷ lệ CIR (%)	34.6	35.2	26.7	26.8	26.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.5	27.4	11.1	9.87	8.16
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.6	14.0	13.3	12.7	12.5
VCSH/Tổng TS (%)	7.38	7.81	8.72	8.83	9.16
Đòn bẩy vốn (lần)	13.5	12.8	11.5	11.3	10.9
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.79	1.93	2.67	2.45	2.14
Hệ số LLR (%)	65.8	68.7	41.8	47.5	55.5
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	92.6	101	108	110	113
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	21.0	16.1	18.8	17.2	15.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	57.0	63.5	66.4	70.1	73.5
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	353	369	379	384	389
Số lượng nhân viên	17,345	18,533	19,460	20,433	21,454

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn